

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 10,900 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -6.0% | -12.8% | -4.7% |

| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | Q3/24 | |
| ROE | 9.0% | +/- YoY ▲ 5.7% |

| | | | |
|----------|--------|-------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| DT thuần | 402 | QoQ ▲ 19.0 ▲ 4.9% | YoY ▼ 24.0 ▼ 5.7% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| DT thuần | 1,207 | YoY ▲ 83.0 ▲ 7.4% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN gộp | 29.6 | QoQ ▼ 6.80 ▼ 18.6% | YoY ▲ 6.60 ▲ 28.8% |
| | tỷ VNĐ | | |

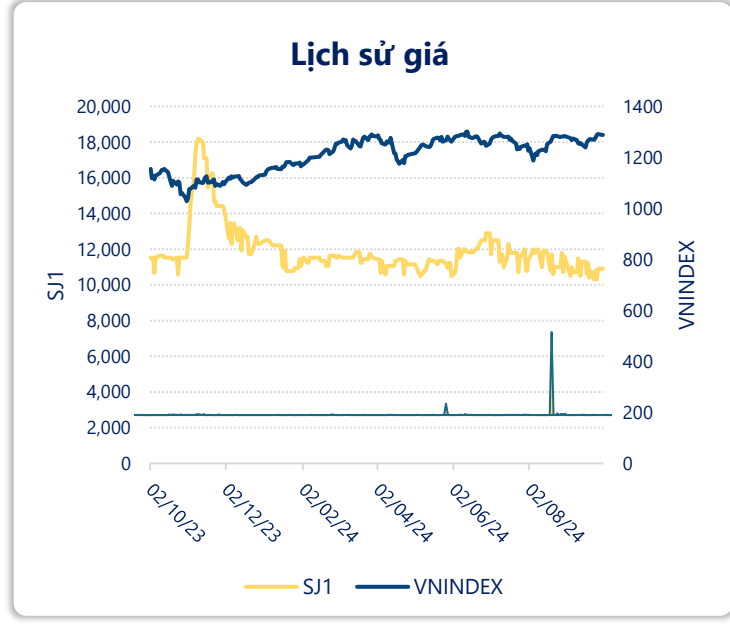
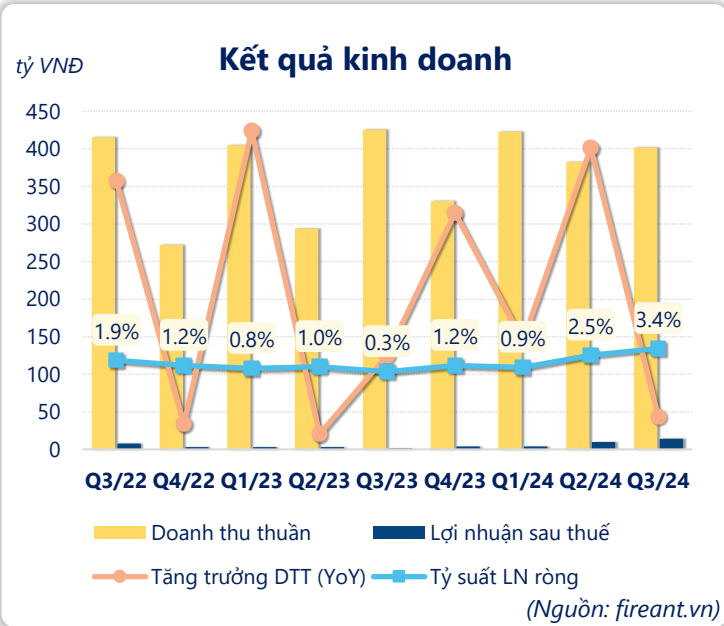
| | | |
|--------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN gộp | 94.4 | YoY ▲ 19.7 ▲ 26.3% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------|--------|--------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN thuần | 15.5 | QoQ ▲ 2.00 ▲ 15.0% | YoY ▲ 9.68 ▲ 167% |
| | tỷ VNĐ | | |

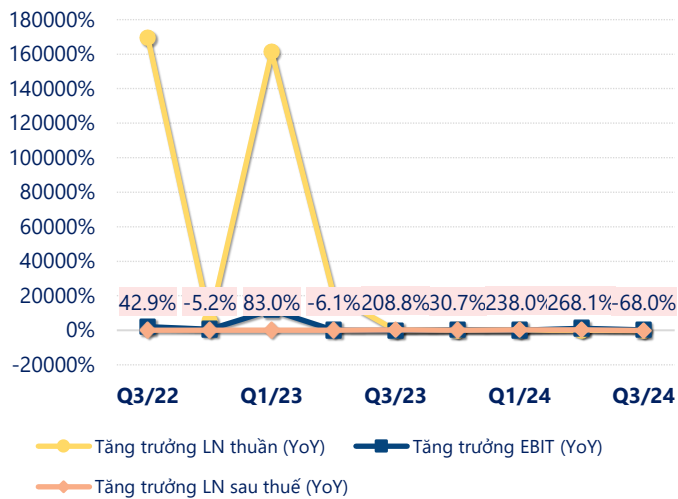
| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN thuần | 35.9 | YoY ▲ 22.3 ▲ 165% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|--------|--------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN sau thuế | 13.9 | QoQ ▲ 4.23 ▲ 43.8% | YoY ▲ 12.5 ▲ 879% |
| | tỷ VNĐ | | |

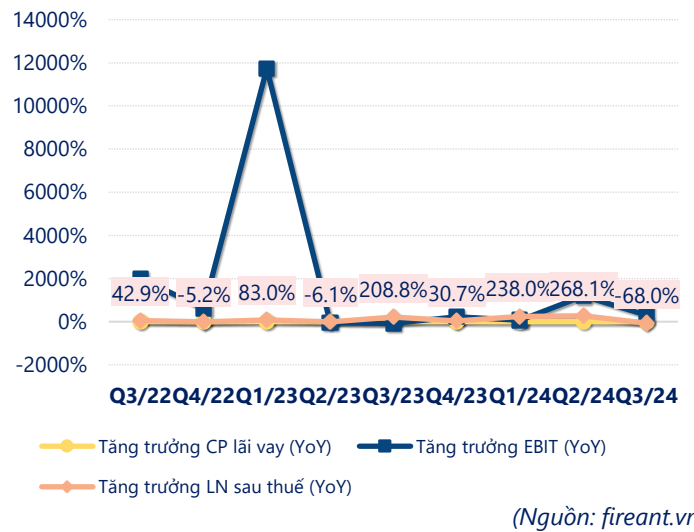
| | | |
|-------------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN sau thuế | 27.4 | YoY ▲ 20.0 ▲ 273% |
| | tỷ VNĐ | |



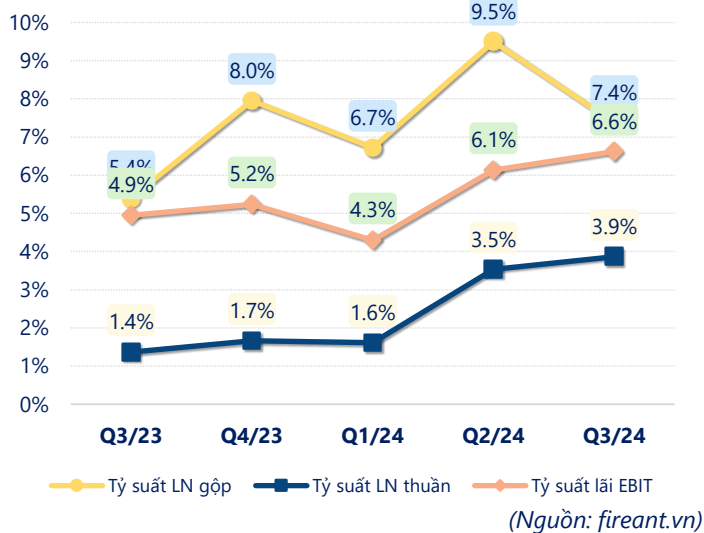
Tăng trưởng lợi nhuận



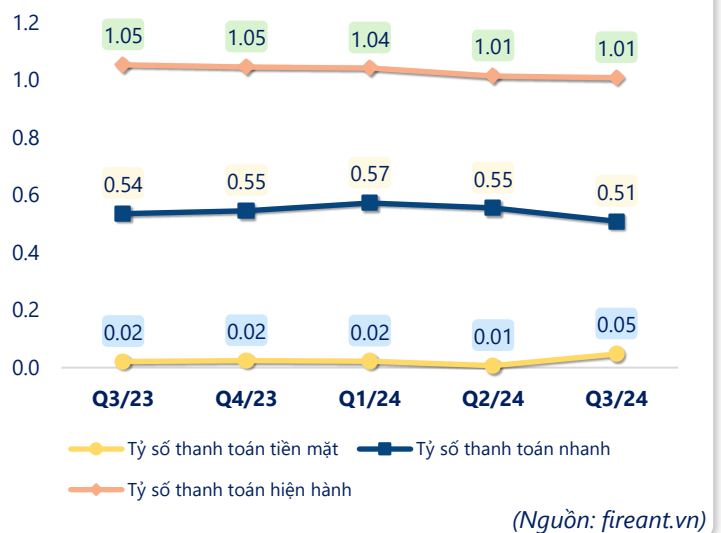
Tăng trưởng chi phí



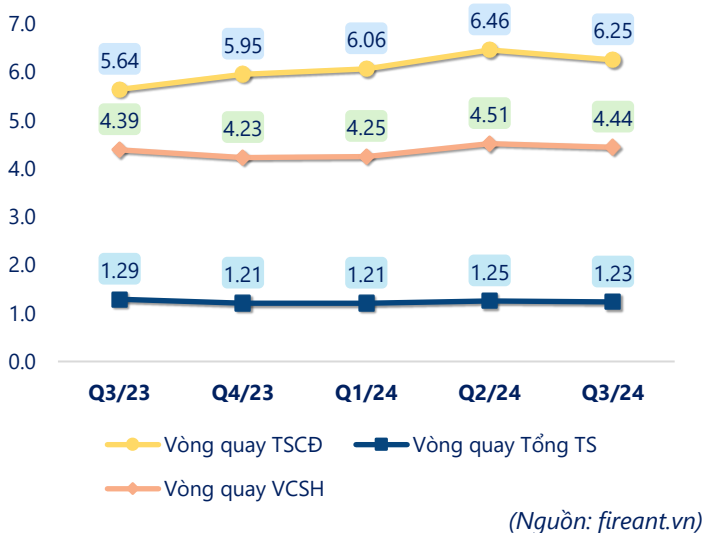
Tỷ suất lợi nhuận



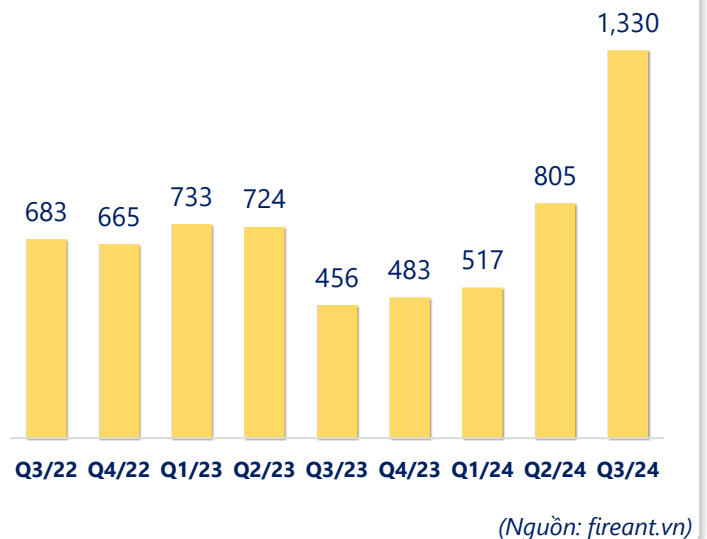
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 402 | 426 | -5.7% | 1,207 | 1,124 | 7.4% |
| Giá vốn hàng bán | 372 | 403 | -7.6% | 1,113 | 1,050 | 6.0% |
| Lợi nhuận gộp | 29.6 | 23.0 | 28.8% | 94.4 | 74.7 | 26.3% |
| Doanh thu HĐTC | 10.5 | 6.70 | 56.9% | 20.2 | 10.8 | 87.2% |
| Chi phí TC | 12.1 | 16.1 | -24.6% | 38.0 | 47.8 | -20.5% |
| Chi phí lãi vay | 11.0 | 13.7 | -19.7% | 33.6 | 42.5 | -20.8% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 6.08 | 3.46 | 75.7% | 19.2 | 9.74 | 96.6% |
| Chi phí QLDN | 6.40 | 4.28 | 49.5% | 21.5 | 14.4 | 49.1% |
| LN thuần từ HĐKD | 15.5 | 5.82 | 167% | 35.9 | 13.6 | 165% |
| Lợi nhuận khác | 0.06 | 1.57 | -96.1% | -1.26 | 1.45 | -187% |
| LN trước thuế | 15.6 | 7.38 | 111% | 34.6 | 15.0 | 131% |
| Lợi nhuận sau thuế | 13.9 | 1.42 | 879% | 27.4 | 7.36 | 273% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 13.8 | 1.45 | 849% | 27.4 | 7.49 | 265% |

(Nguồn: fireant.vn)

